

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 NĂM 2025

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/07/2025 ĐẾN NGÀY 30/09/2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025 của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
Ông Nguyễn Việt Hoàng	Thành viên Hội đồng quản trị	
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị	(Bổ nhiệm ngày 26/04/2025)

Ủy Ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Việt Hoàng	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán
Bà Trần Thị Bích Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Hưng	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Kế toán trưởng kiêm người Quản trị Công ty

Người công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Phụng – Trưởng Bộ phận Nội chính.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30/09/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 3-2025 và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/09/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025 này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP)

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025

Số 88, đường Trường Chinh, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÁC CAM KẾT KHÁC

Thay mặt và đại diện cho Ban Lãnh đạo,



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30/09/2025

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		60.889.779.917	59.693.573.390
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	TM 4	29.050.390.376	28.209.029.640
1. Tiền	111		14.180.390.376	6.887.029.640
2. Các khoản tương đương tiền	112		14.870.000.000	21.322.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.174.790.671	10.252.671.297
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	TM 7	15.503.924.754	11.501.916.707
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	TM 8	993.803.252	1.564.831.000
5. Phải thu ngắn hạn khác	136	TM 9	4.945.308.204	4.454.169.129
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	TM 10	(7.268.245.539)	(7.268.245.539)
IV. Hàng tồn kho	140		16.531.840.537	19.444.138.888
1. Hàng tồn kho	141	TM 11	16.763.366.261	21.334.861.658
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(231.525.724)	(1.890.722.770)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.132.758.333	1.787.733.565
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	TM 5.1	329.659.266	277.093.435
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		803.099.067	1.320.066.631
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	190.573.499
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		93.374.808.277	96.082.908.132
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		19.965.000	19.965.000
1. Phải thu dài hạn khác	216		19.965.000	19.965.000
II. Tài sản cố định	220		91.698.522.322	94.731.229.420
1. Tài sản cố định hữu hình	221	TM 12	90.589.870.051	93.532.686.424
- Nguyên giá	222		166.647.063.866	165.217.987.866
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(76.057.193.815)	(71.685.301.442)
2. Tài sản cố định vô hình	227	TM 13	1.108.652.271	1.198.542.996
- Nguyên giá	228		2.416.877.460	2.416.877.460
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.308.225.189)	(1.218.334.464)
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	TM 6	866.640.000	866.640.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(866.640.000)	(866.640.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.656.320.955	1.331.713.712
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	TM 5.2	1.656.320.955	1.331.713.712
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		154.264.588.194	155.776.481.522

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 30/09/2025

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		48,685,747,771	54,381,724,462
I. Nợ ngắn hạn	310		36,346,747,771	42,042,724,462
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	TM 14	16,512,776,908	23,935,611,810
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	TM 15	324,907,479	311,292,114
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	TM 16	1,619,545,592	1,560,370,236
4. Phải trả người lao động	314		3,858,063,811	6,393,780,663
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	TM 17	7,005,704,964	4,399,433,352
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	15,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	TM 18	6,606,142,091	4,738,179,361
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		419,606,926	689,056,926
II. Nợ dài hạn	330	TM 19	12,339,000,000	12,339,000,000
7. Phải trả dài hạn khác	337		539,000,000	539,000,000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		11,800,000,000	11,800,000,000
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		105,578,840,423	101,394,757,060
I. Vốn chủ sở hữu	410		105,578,840,423	101,394,757,060
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	TM 20	162,499,690,000	162,499,690,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		162,499,690,000	162,499,690,000
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		278,962,752	278,962,752
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(130,000)	(130,000)
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		3,559,312,727	3,559,312,727
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(60,758,995,055)	(64,943,078,419)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(64,943,078,419)	(68,520,748,631)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4,184,083,363	3,577,670,212
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		154,264,588,194	155,776,481,522

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phụng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
QUÝ 3-2025

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Từ ngày 01/07/2025- đến 30/09/2025	Từ ngày 01/07/2024- đến 30/09/2024	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3 (Năm nay)	Số lũy kế từ đầu năm đến cuối quý 3 (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	TM.19	33.244.802.319	24.596.876.338	84.423.674.450	80.488.328.702
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	TM.19	2.522.925.954	1.598.377.348	4.736.556.192	3.682.505.225
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	TM.19	30.721.876.365	22.998.498.990	79.687.118.258	76.805.823.477
4. Giá vốn hàng bán	11	TM.20	23.738.841.461	17.030.158.385	61.649.886.443	58.230.996.306
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.983.034.904	5.968.340.605	18.037.231.815	18.574.827.171
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	TM.21	106.692.947	179.705.894	351.152.005	403.004.044
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	TM.22	126.632.809	54.099.108	573.527.514	584.475.027
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25	TM.23	3.106.110.011	3.113.571.978	8.004.448.968	9.189.009.267
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	TM.23	2.385.604.495	2.814.866.940	7.084.589.648	7.476.350.186
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.471.380.536	165.508.473	2.725.817.690	1.727.996.735
11. Thu nhập khác	31	TM.24	(112.428.771)	605.162.230	2.582.534.806	640.851.122
12. Chi phí khác	32	TM.24	41.825.041	22.388.638	109.708.043	74.723.406
13. Lợi nhuận khác	40		(154.253.812)	582.773.592	2.472.826.763	566.127.716
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.317.126.724	748.282.065	5.198.644.453	2.294.124.451
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	TM.27	225.128.891	140.060.727	1.014.561.090	585.189.342
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.091.997.833	608.221.338	4.184.083.363	1.708.935.109
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	TM.28	67	37	257	105

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động 9 tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2025 đến 30/09/2025	Kỳ tài chính từ ngày 01/01/2024 đến 30/09/2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.198.644.453	2.294.124.451
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	4.461.783.098	4.546.438.349
- Các khoản dự phòng	03	(1.659.197.046)	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	49.223.808	79.980.542
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(168.255.640)	(314.057.599)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
- Các khoản điều chỉnh khác		-	
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	7.882.198.673	6.606.485.743
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(3.214.578.311)	(4.847.350.152)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.571.495.397	(2.939.855.325)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.046.706.997)	(331.208.348)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	361.082.168	199.390.831
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.175.696.190)	(440.699.091)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(269.450.000)	(244.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.108.344.740	(1.998.036.342)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.439.803.273)	(263.900.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	168.255.640	314.057.599
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.271.547.633)	50.157.599
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
IV. LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	836.797.107	(1.947.878.743)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	28.209.029.640	24.171.520.460
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	4.563.629	963.066
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	29.050.390.376	22.224.604.783

Người lập biểu

Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Anh Tuấn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I. (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100102326 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 07/06/2000. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, vốn điều lệ, trụ sở chính của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất đến lần thứ 16 ngày 14/07/2025.

Vốn điều lệ thực góp theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Công ty đến ngày 30/09/2025 là 162.499.690.000 đồng (Một trăm sáu mươi hai tỷ, bốn trăm chín mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 88, đường Trường Chinh, phường Kim Liên, Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/09/2025 là 87 người (tại ngày 01/01/2025 là 80 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025, hoạt động chính của Công ty là kinh doanh hoạt động sản xuất kinh doanh thuốc thú y, phân phối vắc xin và cho thuê thuê địa điểm kinh doanh.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC CÔNG TY

Tại thời điểm lập báo cáo, Công ty chỉ sở hữu trực tiếp 1 công ty con là Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1 có trụ sở chính tại thôn Bình Lương, xã Như Quỳnh, tỉnh Hưng Yên. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất kinh doanh thuốc thú y, phân phối vắc xin.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Công ty có đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, hạch toán phụ thuộc tại thành phố Hồ Chí Minh.

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất quý 3-2025 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 3-2024, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đến 30/09/2025 và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ hoạt động quý 3 năm 2025 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 -2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 -2025 kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025 này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2025 đến ngày 30 tháng 09 năm 2025.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025 của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025 của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính của Công ty được hợp nhất từ Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương I (Công ty mẹ) và Công ty TNHH Thuốc thú y TW1 (Công ty con). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các Công ty trong Nhóm Công ty các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 -2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025 tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025 cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 -2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 -2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường;

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 45
- Máy móc, thiết bị	05 - 15
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 -2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 18 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, phí kiểm định xe ô tô, phí sử dụng đường bộ và đăng kiểm xe, phí cấp phép xả thải, chi phí sửa chữa TSCĐ, phí đăng ký gia hạn lưu hành sản phẩm và các khoản chi phí trả trước khác.

3.11 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chiết khấu, các khoản phải trả cho người lao động.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 -2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính. Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

3.13 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.14 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu được Công ty mua lại cổ phiếu do chính Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

3.15 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được UBCK chấp thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 -2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.16 GHI NHẬN DOANH THU. THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thuốc thú y, phân phối vắc xin và cho thuê địa điểm kinh doanh.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 -2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chênh lệch tỷ giá và các khoản chi phí tài chính khác.

3.18 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.19 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, tất cả giao dịch và số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 -2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.20 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp lợi nhuận và lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3 -2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
Tiền mặt tại quỹ	1.277.469.412	478.618.390
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.902.920.964	6.408.411.250
Các khoản tương đương tiền	14.870.000.000	21.322.000.000
Cộng	29.050.390.376	28.209.029.640

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
<i>a) Chi phí trả trước ngắn hạn</i>	329.659.266	277.093.435
- Phí kiểm định xe, phí sử dụng đường bộ và đăng kiểm xe	22.940.818	84.898.010
- Phần mềm diệt virus, phần mềm quản lý kho	4.002.503	6.753.364
Phân bổ ngắn hạn khác	193.940.288	33.020.423
- Công cụ dụng cụ	108.775.657	152.421.638
<i>b) Chi phí trả trước dài hạn</i>	1.656.320.955	1.331.713.712
- Công cụ dụng cụ	387.579.394	476.342.820
- Giấy phép xả thải	119.166.670	188.461.811
- Phí đăng ký gia hạn lưu hành SP thuốc	117.575.840	133.969.007
- Phí bảo trì phần mềm kế toán	32.992.425	43.799.171
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	216.716.670	23.404.026
- Chi phí phân bổ dài hạn khác	782.289.956	465.736.877
Cộng chi phí trả trước	1.985.980.221	1.608.807.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30/09/2025			Ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty cổ phần giống gà Lương Mỹ	866.640.000	(866.640.000)		866.640.000	(866.640.000)	
Cộng	866.640.000	(866.640.000)		866.640.000	(866.640.000)	-

(*) Tại thời điểm 30/09/2025. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng quý 3-2025 bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Số 88, đường Trường Chinh, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ3-2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Ngày 30/09/2025</u>		<u>Ngày 01/01/2025</u>	
a) Ngắn hạn	Giá trị VND	Dự phòng	Giá trị VND	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	1.578.684.890	(1.513.702.150)	1.549.392.870	(1.513.702.150)
Công ty CP giống vật nuôi & cây trồng Đồng Giao	79.818.093	(79.818.093)	79.818.093	(79.818.093)
<i>Các đối tượng khác</i>	1.025.342.317	(960.359.577)	996.050.297	(960.359.577)
Chi nhánh CTCP Thuốc Thú y TWI tại Hồ Chí Minh	473.524.480	(473.524.480)	473.524.480	(473.524.480)
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW1	13.925.239.864	(1.518.687.170)	9.952.523.837	(1.518.687.170)
Công ty cổ phần chăn nuôi MAVIN	3.482.131.672			
Công Ty TNHH Advance Pharma Việt Nam	397.655.786		1.568.794.500	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	687.476.496		1.013.174.442	
Công ty CP thương mại màu xanh			407.914.511	
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam -CN 6 tại HN	222.262.488		202.799.898	
<i>Các đối tượng khác</i>	9.135.713.422	(1.518.687.170)	6.759.840.486	(1.518.687.170)
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	15.503.924.754	(3.032.389.320)	11.501.916.707	(3.032.389.320)

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>Ngày 30/09/2025</u>		<u>Ngày 01/01/2025</u>	
a) Ngắn hạn	Giá trị VND	Dự phòng	Giá trị VND	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	993.803.252	(712.673.252)	1.564.831.000	(712.673.252)
- Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	(549.354.252)	549.354.252	(549.354.252)
- Công ty CP ĐT XD&TM Ao Sen	130.000.000	(130.000.000)	130.000.000	(130.000.000)
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	314.449.000	(33.319.000)	885.476.748	(33.319.000)
Công ty cổ phần công nghệ Nguyễn Vinh			556.006.880	
- Công ty CP Tư vấn Thiết kế và ĐT XD Đông Thịnh	33.319.000	(33.319.000)	33.319.000	(33.319.000)
Công ty TNHH Thương mại và DV NNK việt nam			90.497.000	
Công ty TNHH tư vấn và kiểm toán UHY			40.500.000	
Công ty TNHH SX và TM Đức sơn	160.820.000			
<i>Các đối tượng khác</i>	120.310.000		165.153.868	
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	993.803.252	(712.673.252)	1.564.831.000	(712.673.252)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ3-2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

9. HÀNG TỒN KHO

	<u>Ngày 30/09/2025</u>		<u>Ngày 01/01/2025</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	4.600.005			
Nguyên liệu, vật liệu	7.248.208.339	(113.896.578)	8.457.448.032	(706.194.074)
Thành phẩm	3.564.236.186	(117.629.146)	5.838.741.243	(1.184.528.696)
Hàng hóa	5.943.321.723	-	7.029.555.721	-
- Công cụ dụng cụ	3.000.008	-	9.116.662	-
Cộng	<u>16.763.366.261</u>	<u>(231.525.724)</u>	<u>21.334.861.658</u>	<u>(1.890.722.770)</u>

10. PHẢI THU KHÁC

	<u>Ngày 30/09/2025</u>		<u>Ngày 01/01/2025</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng	Giá trị VND	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	4.945.308.204	(3.523.182.967)	4.454.169.129	(3.523.182.967)
Phải thu khác tại VP	3.329.065.826	(2.691.686.118)	3.329.065.826	(2.691.686.118)
Phải thu khác tại Chi nhánh HCM	814.709.474	(814.709.474)	814.709.474	(814.709.474)
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	801.532.904	(16.787.375)	310.393.829	(16.787.375)
- Các khoản chi hộ Bảo hiểm xã hội	86.378.600		86.378.600	
Phải thu tạm ứng	681.125.597		170.931.656	
Phải thu bảo hiểm	300.000		300.000	
- Phải thu khác	33.728.707	(16.787.375)	52.783.573	(16.787.375)
<u>b) Dài hạn</u>	19.965.000		19.965.000	
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	19.965.000		19.965.000	
- Ký cược, ký quỹ	19.965.000		19.965.000	
Tổng cộng	<u>4.965.273.204</u>	<u>(3.523.182.967)</u>	<u>4.474.134.129</u>	<u>(3.523.182.967)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

11. NỢ XẤU

	Ngày 30/09/2025			Ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	5.699.451.994	-	5.699.451.994	5.699.451.994	-	5.699.451.994
Phải thu khách hàng	1.513.702.150	-	1.513.702.150	1.513.702.150	-	1.513.702.150
+ Đại lý Trần Văn Diệp	65.276.477	-	65.276.477	65.276.477	-	65.276.477
+ Đại lý Nguyễn Văn Thiên	29.920.213	-	29.920.213	29.920.213	-	29.920.213
+ Đại lý Nguyễn Ngọc Cường	32.546.627	-	32.546.627	32.546.627	-	32.546.627
Các đối tượng khác	1.385.958.833	-	1.385.958.833	1.385.958.833	-	1.385.958.833
Trả trước cho người bán	679.354.252	-	679.354.252	679.354.252	-	679.354.252
- Công ty CP Công nghệ Hoàng Hải	549.354.252	-	549.354.252	549.354.252	-	549.354.252
- Công ty CP ĐT XD&TM Ao Sen	130.000.000	-	130.000.000	130.000.000	-	130.000.000
- Phải thu khác	3.506.395.592	-	3.506.395.592	3.506.395.592	-	3.506.395.592
+ Nguyễn Huy Đức	629.034.000	-	629.034.000	629.034.000	-	629.034.000
+ Đỗ Hoàng Hòa	912.020.000	-	912.020.000	912.020.000	-	912.020.000
+ Mỹ Duy Thắng	320.664.196	-	320.664.196	320.664.196	-	320.664.196
+ Đặng Văn Dũng	284.486.568	-	284.486.568	284.486.568	-	284.486.568
Các đối tượng khác	1.360.190.828	-	1.360.190.828	1.360.190.828	-	1.360.190.828
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	1.568.793.545	-	1.568.793.545	1.568.793.545	-	1.568.793.545
- Công ty TNHH Dược thú y Nam Dương	386.359.818	-	386.359.818	386.359.818	-	386.359.818
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Biovet	81.761.832	-	81.761.832	81.761.832	-	81.761.832
- Công ty Cổ phần Thú y Thùy sản Trung ương	190.437.586	-	190.437.586	190.437.586	-	190.437.586
- Thái Duy Phúc	196.941.127	-	196.941.127	196.941.127	-	196.941.127
Các đối tượng khác	713.293.182	-	713.293.182	713.293.182	-	713.293.182
Cộng	7.268.245.539	-	7.268.245.539	7.268.245.539	-	7.268.245.539

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, trang thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2025	125.477.179.593	30.841.335.225	4.489.540.988	4.409.932.060	165.217.987.866
Mua trong kỳ		1.429.076.000		-	1.429.076.000
Đầu tư XD CB hoàn thành	-		-	-	-
Tặng khác	-		-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-				-
Giảm khác					
Tại ngày 30/09/2025	125.477.179.593	32.270.411.225	4.489.540.988	4.409.932.060	166.647.063.866
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2025	40.811.386.511	22.579.271.231	4.016.909.348	4.277.734.352	71.685.301.442
Khấu hao trong năm	2.945.131.783	1.197.615.847	151.530.884	77.613.862	4.371.892.376
Thanh lý, nhượng bán					
Giảm khác					
Tại ngày 30/09/2025	43.756.518.294	23.776.887.078	4.168.440.232	4.355.348.214	76.057.193.815
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2025	84.665.793.082	8.262.063.994	472.631.640	132.197.708	93.532.686.424
Tại ngày 30/09/2025	81.720.661.299	8.493.524.147	321.100.756	54.583.846	90.589.870.051

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/09/2025 là 23.204.944.620 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 22.532.186.496 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Phần mềm kế toán</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Tổng cộng</i>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2025	259.500.000	2.157.377.460	2.416.877.460
Tại ngày 30/09/2025	259.500.000	2.157.377.460	2.416.877.460
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2025	259.500.000	958.834.464	1.218.334.464
Khấu hao trong năm		89.890.725	89.890.725
Tại ngày 30/09/2025	259.500.000	1.048.725.189	1.308.225.189
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2025	-	1.198.542.996	1.198.542.996
Tại ngày 30/09/2025	-	1.108.652.271	1.108.652.271

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/09/2025 là 259.500.000 đồng (tại ngày 01/01/2025 là 259.500.000 đồng).

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
a. Ngắn hạn	VND	VND
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	7.512.864.144	7.753.536.674
- Công ty TNHH công trình thiết kế Nam Ninh	2.050.436.588	1.995.836.391
- Công ty CP sản xuất & TM Thái Sơn	1.684.287.641	1.994.287.641
- Các đối tượng khác	3.778.139.915	3.763.412.642
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	8.999.912.764	16.182.075.136
- GUANGDONG WENS DAHUANONG BIOTECHNOLGY CO.LTD	1.753.569.899	10.845.204.991
Công ty Zhaoqing Dahuanong Biology Medicine Co.,LTD	2.376.754.752	2.045.554.293
Công ty TNHH LVA Việt Nam	1.328.950.130	1.048.000.000
- Công ty CP sản xuất & TM Thái Sơn	253.639.329	417.869.498
Công ty TNHH hóa chất Navy	37.250.010	176.375.088
Công ty cổ phần đầu tư & thương mại Pix Việt Nam		11.602.440
Các đối tượng khác	3.249.748.644	1.637.468.826
b. Dài Hạn		
Cộng	16.512.776.908	23.935.611.810

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG I

Số 88, đường Trường Chinh, Phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
a) Ngắn hạn	7.005.703.964	4.399.435.352
- Chi phí chiết khấu	3.833.677.872	2.455.646.815
- Chi phí phải trả CBCNV	1.666.404.500	1.666.406.500
- Chi phí trích trước	1.505.621.592	277.382.037
b) Dài Hạn		
Cộng	7.005.703.964	4.399.435.352

16. PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
a) Ngắn hạn	6.606.142.091	4.738.179.361
- Kinh phí công đoàn	596.690.817	517.555.337
- Bảo hiểm xã hội	2.278.000	-
- Bảo hiểm y tế	402.000	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	201.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.006.570.274	4.220.624.024
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I	3.682.603.908	3.982.603.908
+ Tiền khấu trừ thuế TNCN của khách lẻ	390.212.000	390.212.000
+ Ông Nguyễn Anh Tuấn (*)		300.000.000
+ Ông Lê Anh Tuấn	136.723.837	136.723.837
;+ Ông Lê Đức Liên	1.370.604.981	1.370.604.981
+ Bà Nguyễn Thị Thu Hà	12.900.000	12.900.000
+ Ông Lê Hữu Tuấn	747.785.260	747.785.260
+ Các đối tượng khác	1.024.377.830	1.024.377.830
Công ty TNHH Thuốc Thú Y TW 1	2.323.966.366	238.020.116
+ Phải trả hàng tồn kho ký gửi cho khách	144.274.473	144.274.473
+ Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.179.691.893	93.745.643
b) Dài hạn	539.000.000	539.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	539.000.000	539.000.000
Phải trả người bán và các bên liên quan		
Cộng	7.145.142.091	5.277.179.361

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngày 01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Ngày 30/09/2025
Thuế giá trị gia tăng	234.895.640	2.169.171.974	2.155.601.745	248.465.869
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.165.696.190	1.014.561.090	1.175.696.190	1.004.561.090
Thuế thu nhập cá nhân	78.358.508	373.665.076	414.915.249	37.108.335
Thuế tài nguyên	297.600	2.620.800	2.630.400	288.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	(190.573.499)	819.194.552	380.621.053	248.000.000
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	81.122.298	-	-	81.122.298
Cộng	1.369.796.737	4.386.213.492	4.136.464.637	1.619.545.592

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngày 01/01/2025		Phát sinh trong năm		Ngày 30/09/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		-				
Vay dài hạn	11.800.000.000	11.800.000.000	-	-	11.800.000.000	11.800.000.000
+ Các đối tượng khác	11.800.000.000	11.800.000.000			11.800.000.000	11.800.000.000
Cộng	11.800.000.000	11.800.000.000	-	-	11.800.000.000	11.800.000.000

(*) Vay các cá nhân dài hạn với lãi suất 0%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)							
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)							
19.	VỐN CHỦ SỞ HỮU						
19.1	BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU						
19.1	Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu						
		Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Số dư đầu năm trước	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	3.559.312.727	(68.520.748.631)	97.817.086.848
	Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
	Lãi trong năm trước	-	-	-	-	3.777.670.212	3.777.670.212
	Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
	+ Trích quỹ khen thưởng tại Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương I						
	+ Trích quỹ khen thưởng tại Công ty TNHH Thuốc Thú y TW1	-	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
	Giảm khác	-	-	-	-	-	-
	Số dư cuối năm trước/đầu năm nay	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	3.559.312.727	(64.943.078.419)	101.394.757.060
	Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	-
	Lãi trong năm nay	-	-	-	-	4.184.083.363	4.184.083.363
	Số dư cuối kỳ này	162.499.690.000	278.962.752	(130.000)	3.559.312.727	(60.758.995.056)	105.578.840.423

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

19.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Bà Nguyễn Thị Hương	6.702.490.000	6.702.490.000
Lê chí Cường	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV quản lý quỹ Vietinbank	40.000.000.000	40.000.000.000
Chu Văn Chung	20.000.000.000	20.000.000.000
Các cổ đông khác	85.797.070.000	85.797.070.000
Cổ phiếu quỹ	130.000	130.000
Cộng	162.499.690.000	162.499.690.000

19.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC. CHIA LỢI NHUẬN

	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	162.499.690.000	162.499.690.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		-
+ Vốn góp cuối năm	162.499.690.000	162.499.690.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
Cổ phiếu:		

19.4 CỔ PHIẾU

	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.249.969	16.249.969
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.249.969	16.249.969
+ Cổ phiếu phổ thông	16.249.969	16.249.969
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	13	13
+ Cổ phiếu phổ thông		13
+ Cổ phiếu ưu đãi		-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.249.956	16.249.956
+ Cổ phiếu phổ thông	16.249.956	16.249.956
+ Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

19.5 CÁC QUỸ

	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
Quỹ đầu tư phát triển	3.559.312.727	3.559.312.727
Quỹ Phúc lợi	419.606.9266	689.056.926
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		

Mục đích trích lập các quỹ

+ Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng cho việc đầu tư mở rộng các hoạt động kinh doanh trong tương lai như đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác, mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản, nghiên cứu và phát triển, đào tạo và cải thiện môi trường làm việc.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
Doanh thu	33.244.802.319	24.596.876.338
<i>Trong đó :</i>		
Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	32.003.279.536	23.288.480.471
Doanh thu cung cấp dịch vụ, gia công	1.241.522.783	1.308.395.867
cộng	33.244.802.319	24.596.876.338

21. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.522.925.954	1.598.377.348
<i>Chiết khấu thương mại</i>	2.107.458.896	1.598.377.348
<i>Giảm giá hàng bán</i>	-	-
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	415.467.058	-
cộng	2.522.925.954	1.598.377.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
Giá vốn của hàng hoá và thành phẩm đã bán	23.703.680.527	16.991.587.763
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	35.160.934	38.570.622
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	
Cộng	23.738.841.461	17.030.158.385

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	98.415.295	87.166.876
Lãi bán các khoản đầu tư		
Cổ tức lợi nhuận được chia		
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm		92.539.018
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán		
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.277.652	
Cộng	106.692.947	179.705.894

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
Lãi tiền vay	-	
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính		
Chi phí TC khác	126.632.809	54.099.108
Cộng	126.632.809	54.099.108

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	2.385.604.495	2.814.866.940
- Chi phí cho nhân viên	974.097.747	928.459.550
- Chi phí đồ dùng văn phòng	7.076.980	42.438.315
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	41.009.482	112.967.657
- Chi phí khấu hao TSCĐ	273.897.783	330.978.135
- Thuế, phí và lệ phí	224.500.000	180.025.038
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	361.120.125	179.696.060
- Chi phí dự phòng	-	-
- Chi phí khác bằng tiền	503.902.378	1.040.302.185
b) Các khoản chi phí bán hàng	3.106.110.011	3.113.571.978
- Chi phí cho nhân viên	1.313.152.460	1.327.635.571
- Chi phí nguyên vật liệu	4.596.107	850.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	11.461.562	35.150.499
- Chi phí khấu hao TSCĐ	73.420.977	63.926.460
- Thuế, phí và lệ phí	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	582.635.976	557.737.457
- Chi phí khác bằng tiền	1.120.842.929	1.128.271.991
- Chi phí dự phòng	-	-
Cộng	5.491.714.506	5.928.438.918

26. THU NHẬP KHÁC. CHI PHÍ KHÁC

a) THU NHẬP KHÁC

	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	-
- Phí dịch vụ	-	-
- Thu nhập hàng thừa do kiểm kê	-	-
- Tiền hỗ trợ từ nhà cung cấp	-	605.162.230
- Các khoản khác	(112.428.771)	-
Cộng	(112.428.771)	605.162.230

b) CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
- Các khoản chi phí khác	-	-
- Chi phí phạt chậm nộp	-	1.388.638
- thù lao HĐQT và Ủy ban kiểm toán	27.000.000	21.000.000
;- ' Sử lý hàng thừa thiếu	14.825.041	-
Cộng	41.825.041	22.388.638

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.147.316.430	6.837.901.405
- Chi phí cho nhân viên	3.695.430.489	3.485.174.935
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.492.353.194	1.509.792.022
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.248.315.490	1.060.468.882
Chi phí khác bằng tiền	1.916.711.300	2.436.706.410
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Cộng	16.500.126.903	15.330.043.654

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
Tổng lợi nhuận trước thuế	1.317.126.724	748.282.065
Thuế TNDN phải trả ước tính		
Tổng thuế TNDN hiện hành	225.128.890	140.060.727
- Công ty CP Thuốc Thú y Trung ương I	72.876.231	
- Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	152.252.659	140.060.727

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025	Kỳ tài chính từ ngày 01/07/2024 đến ngày 30/09/2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.091.997.833	608.221.338
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	1.091.997.833	608.221.338
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	16.249.956	16.249.956
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	67	37

Chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu chưa tính đến ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi, do trong kỳ Công ty chưa thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của 9 tháng đầu năm 2025 (Công ty không xác định được chính xác số trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của 9 tháng đầu năm 2024).

30. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Lãnh đạo Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu do đó lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu. các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Hoạt động kinh doanh sản xuất thuốc thú y và hoạt động cung cấp dịch vụ.

Bộ phận theo lĩnh vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp theo gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ hoạt động của Công ty.

Thông tin về báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty cho kỳ tài chính quý 3-2025 như sau:

Chỉ tiêu	Sản xuất kinh doanh thuốc thú y	Cung cấp Dịch vụ	Tổng cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Từ 01/07/2025 đến 30/09/2025			
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.480.353.582	1.241.522.783	30.721.876.365
Chi phí kinh doanh	28.571.796.680	658.759.287	29.230.555.967
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23.703.680.527	35.160.934	23.738.841.461
- Chi phí bán hàng	3.106.110.011	-	3.106.110.011
- Chi phí QLDN	1.762.006.142	623.598.353	2.385.604.495
Kết quả HĐSXKD	908.556.902	582.763.496	1.491.320.398
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	(19.939.862)
- Lợi nhuận khác	-	-	(154.253.812)
- LN/(lỗ) trước thuế	908.556.902	582.763.496	1.317.126.724

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Chỉ tiêu	Sản xuất kinh doanh thuộc thủ y	Cung cấp Dịch vụ	Tổng cộng
KẾT QUẢ KINH DOANH			
Từ 01/07/2024 đến 30/09/2024			
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.942.120.543	1.056.378.447	22.998.498.990
Chi phí kinh doanh	21.972.561.717	986.035.586	22.958.597.303
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	16.991.587.763	38.570.622	17.030.158.385
- Chi phí bán hàng	3.113.571.978	-	3.113.571.978
- Chi phí QLDN	1.867.401.976	947.464.964	2.814.866.940
Kết quả HĐSXKD	(30.441.174)	70.342.861	39.901.687
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	125.606.786
- Lợi nhuận khác	-	-	582.773.592
- LN/(lỗ) trước thuế	(30.441.174)	70.342.861	748.282.065
Chỉ tiêu	Sản xuất kinh doanh thuộc thủ y	Cung cấp Dịch vụ	Tổng cộng
Ngày 01/01/2025			
TÀI SẢN			
Tiền và các khoản tương đương tiền	28.156.669.635	52.360.005	28.209.029.640
Các khoản phải thu ngắn hạn	9.579.600.869	673.070.428	10.252.671.297
Hàng tồn kho	19.435.022.226	9.116.662	19.444.138.888
Tài sản ngắn hạn khác	1.464.603.572	323.129.993	1.787.733.565
Các khoản phải thu dài hạn	19.965.000		19.965.000
Tài sản cố định	90.876.987.190	3.854.242.230	94.731.229.420
Tài sản dài hạn khác	1.331.713.712		1.331.713.712
Tổng tài sản	150.864.562.204	4.911.919.318	155.776.481.522
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ ngắn hạn	26.941.146.261	15.101.578.201	42.042.724.462
Nợ dài hạn	11.800.000.000	539.000.000	12.339.000.000
Tổng nợ phải trả	38.741.146.261	15.640.578.201	54.381.724.462

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

Chỉ tiêu	Sản xuất kinh doanh thuốc thú y	Cung cấp Dịch vụ	Tổng cộng
Ngày 30/09/2025			
TÀI SẢN			
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.625.930.968	1.424.459.408	29.050.390.376
Các khoản phải thu ngắn hạn	13.472.428.223	702.362.448	14.174.790.671
Hàng tồn kho	16.530.840.529	1.000.008	16.531.840.537
Tài sản ngắn hạn khác	1.000.201.839	132.556.494	1.132.758.333
Các khoản phải thu dài hạn	19.965.000		19.965.000
Tài sản cố định	88.035.436.482	3.663.085.840	91.698.522.322
Tài sản dài hạn khác	1.648.275.502	8.045.453	1.656.320.955
Tổng tài sản	148.333.078.543	5.931.509.651	154.264.588.194
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ ngắn hạn	21.326.514.471	15.020.233.300	36.346.747.771
Nợ dài hạn	11.800.000.000	539.000.000	12.339.000.000
Tổng nợ phải trả	33.126.514.471	15.559.233.300	48.685.747.771

32. THÔNG TIN KHÁC

32.1 THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2025 đến ngày 30/09/2025. Công ty có Giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:			
Bên liên quan		Mối quan hệ	
Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1		Công ty con	
Ông Nguyễn Anh Tuấn		Chủ tịch HĐQT- Chủ tịch Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	
Nguyễn Thị Thu Hưng		Giám đốc Công ty – Q.Giám đốc Công ty TNHH Thuốc Thú y TW 1	

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Từ ngày 01/07/2025-đến 30/09/2025	Từ ngày 01/07/2024-đến 30/09/2024
Giao dịch khác				
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	+ Mượn tiền + Trả tiền mượn		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 3-2025 (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3-2025)

32. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan

Vào thời điểm kết thúc năm tài chính, số dư của Công ty với các bên liên quan như sau :

Bên liên quan	Mối quan hệ	Ngày 30/09/2025	Ngày 01/01/2025
Phải trả khác			300,000,000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT		300,000,000

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ

		Từ ngày 01/07/2025-đến 30/09/2025	Từ ngày 01/07/2024-đến 30/09/2024
Tiền lương và phụ cấp		150,000,000	135,000,000
Tiền thù lao HĐQT		27,000,000	21,000,000
Cộng		177,000,000	156,000,000

Họ và tên	Chức danh (Title)	Từ ngày 01/07/2025-đến 30/09/2025	Từ ngày 01/07/2024-đến 30/09/2024
		VND	VND
Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	9,000,000	9,000,000
Nguyễn Việt Hoàng	Thanh viên HĐQT	6,000,000	6,000,000
Phan Quốc Duy	Thanh viên HĐQT		6,000,000
Trần Thị Bích Ngọc	Thanh viên HĐQT	6,000,000	
Nguyễn Thị Thu Hà	Phụ trách quản trị công ty	6,000,000	
	Giám đốc Công ty - Giám đốc Công ty TNHH Thuốc Thú y TW I	150,000,000	135,000,000

32.2 SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương I đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3-2025 của Công ty cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2024 của Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương I .

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2025

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thị Phượng

Nguyễn Thị Thu Hà

Nguyễn Anh Tuấn